

-(으)ㄴ/는 측에 속하다

thuộc loại, thuộc nhóm ...

Xếp một điều vào một nhóm mà không cam kết một nhận định chính xác. 측 nghĩa là một nhóm hay một khung — bạn đang nói nó rơi vào khung nào.

Cách kết hợp

Từ loại	Dạng	Ví dụ
Tính từ	-(으)ㄴ 측에 속하다	싸다 → 싸 측에 속하다
Động từ	-는 측에 속하다	잘하다 → 잘하는 측에 속하다
Kết thúc bằng ㄹ	ㄹ bị lược bỏ	만들다 → 만드는 측에 속하다
Biến thể tương đương	측에 들다	싸 측에 들다
Yêu cầu	một nhóm để so sánh	được nói ra hoặc ngầm hiểu
Khoảng cách	측 là danh từ	싸 측에 속하다

Khi nào dùng

Hình thức tuân theo hệ thống định ngữ: tính từ dùng -(으)ㄴ 측에, động từ dùng -는 측에. Gốc từ ㄹ lược bỏ ㄹ, và 측 viết cách. 측에 들다 là biến thể phổ biến không kém.

Phải có một nhóm để so sánh trong tầm nhìn, được nói ra hoặc ngầm hiểu: 이 가격이면 싸 측에 속합니다 — trong số những thứ cùng loại, cái đó được xem là rẻ.

Đây là cách nói giảm nhẹ. Thay vì nói điều gì đó là rẻ, bạn nói nó thuộc nhóm rẻ — điều khó bị phản bác hơn.

Rất gần với -(으)ㄴ/는 편이다. 편이다 đặt nó trên một thang mức; 측에 속하다 đặt nó vào một nhóm.

Ví dụ trong câu

- 1 이 가격이면 싸 측에 속합니다.**
Với giá này thì thuộc loại rẻ.
- 2 우리 팀에서는 그가 일을 잘하는 측에 든다.**
Trong nhóm chúng tôi, anh ấy thuộc số người làm việc tốt.
- 3 서른이면 아직 젊은 측에 속하지요.**
Ba mươi tuổi vẫn thuộc loại trẻ.
- 4 이 정도 소음이면 조용한 측에 듭니다.**
Tiếng ồn ở mức này thuộc loại yên tĩnh.
- 5 직접 만드는 곳은 이제 드문 측에 속한다.**
Những nơi tự làm giờ thuộc loại hiếm.
- 6 경력으로 보면 오래된 측에 속하는 편이에요.**
Xét về kinh nghiệm, cô ấy thuộc nhóm làm lâu năm.

So sánh với

-(으)ㄴ/는 편이다
Cả hai đều nói giảm nhẹ. 편이다 đặt điều gì đó trên một thang mức — khá rẻ; 측에 속하다 đặt nó vào một nhóm — thuộc loại rẻ.
싸 편이에요. (khá rẻ) / 싸 측에 속해요. (thuộc loại rẻ)

-(으)ㄴ/는 셈이다
셈이다 nói rằng điều gì đó trên thực tế coi như là một thứ; 측에 속하다 nói rằng nó thuộc về một nhóm những thứ như vậy.
다 한 셈이에요. (coi như xong rồi) / 빠른 측에 속해요. (thuộc loại nhanh)

-(으)ㄴ/는 감이 있다
감이 있다 nói giảm nhẹ một lời phê bình; 측에 속하다 nói giảm nhẹ một sự phân loại. Cả hai đều làm mềm câu nói, vì những lý do khác nhau.
비싼 감이 있어요. (có cảm giác hơi đắt) / 비싼 측에 속해요. (thuộc loại đắt)

Lưu ý

- ✗ 직접 만드는 곳은 드문 측에 속한다.**
○ 직접 만드는 곳은 드문 측에 속한다.
Gốc từ kết thúc bằng ㄹ lược bỏ ㄹ trước -는, như ở mọi nơi trong hệ thống định ngữ.
- ✗ 이 가격이면 싸측에 속합니다.**
○ 이 가격이면 싸 측에 속합니다.
측 là danh từ và viết cách sau định ngữ.
- ✗ 세계에서 가장 싸 측에 속합니다.**
○ 세계에서 가장 싸입니다.
Cụm này nói giảm nhẹ bằng cách xếp điều gì đó vào một nhóm. Dạng so sánh nhất chỉ nêu một thứ duy nhất, nên cách nói giảm nhẹ mâu thuẫn với nó.